

Bản án số: 11/2024/HS- ST
Ngày 04-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Sửu
Ông Trần Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Trường- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993

Tên gọi khác: không; nơi ĐKKH và chỗ ở: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà: Nguyễn Thị H; vợ: Đặng Thị G (đã ly hôn); con: có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; nhân thân: không; tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Nguyễn Văn Đ 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2020/HS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế xử phạt Đ 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 60/2020/HS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt Nguyễn Văn Đ 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 15/2020/HS-ST ngày 05/6/2020 và Bản án số 60/2020/HS-ST ngày 15/9/2020, Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 24 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/04/2022, đã chấp hành xong án phí của cả hai bản án. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 02/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xử phạt Nguyễn Văn Đ 11 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày ngày tạm giữ, tạm giam ngày 22/11/2023; tiền sự: không.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Yên Thế,

tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Bùi Văn T1, sinh năm 1984

Tên gọi khác: không; nơi ĐKKH và chỗ ở: tổ dân phố T, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Công N và bà: Lương Thị C; vợ: Nguyễn Thị H1; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2011; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2007/HS-ST ngày 18/7/2007 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế xử phạt Bùi Văn T1 30 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/09/2009, đã chấp hành xong án phí và nộp phạt 300.000 đồng vào tháng 6/2013, số tiền còn lại 4.750.000 đồng được miễn thi hành án vào tháng 7/2013; tiền án: không; tiền sự: Ngày 31/03/2021, Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với T1 trong thời gian 18 tháng, chấp hành xong ngày 12/10/2022.

Bị cáo tại ngoại, hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo T1: Bà Nguyễn Thị H2 -Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (có mặt)

* Bị hại:

- Bà Giáp Thị X, sinh năm 1930 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X: bà Nguyễn Thị M - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (có mặt)

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lương Văn M1, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nông Văn T2, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

* Người làm chứng:

- Chị Trần Thị L, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 05/11/2023, Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1993, trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang đi bộ lên nhà Bùi Văn T1 - sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố T, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Khi đến nhà T1, Đ gặp T1 và nói “Anh có xe không, cùng đi chơi”, (Tước hiểu ý Đ rủ T1 cùng đi xem có ai sở hữ thì trộm cắp tài sản bán lấy tiền để cùng nhau tiêu sài) nên T1 đồng ý. Do không có xe nên T1 đi mượn xe mô tô biển kiểm soát 98C1-014.45 của anh Lương Văn M1 – sinh năm 1985 trú tại tổ dân phố T, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Mượn được xe T1 điều khiển xe mô tô chở Đ đi loanh quanh khu vực xã T xem ai có tài sản sơ hở để trộm cắp. Khoảng 08 giờ cùng ngày, khi đi đến trước cửa nhà bà Giáp Thị X – sinh năm 1930 trú tại thôn Q, xã T, huyện T, Đ phát hiện có 01 (một) chiếc xe đạp

điện màu sơn đỏ có sẵn chìa khóa xe ở ổ khóa của bà X, quan sát thấy không có người trông coi tài sản, Đ bảo T1 dừng xe lại, biết Đ bảo dừng xe lại mục đích để trộm cắp xe đạp điện nên T1 điều khiển xe dừng lại. Đ xuống xe, đi bộ lại gần xe đạp điện, T1 ngồi trên xe đỗ ven đường chờ Đ và cảnh giới cho Đ. Đ đến vị trí của chiếc xe dùng chân phải gạt chân chống xe đạp điện, sau đó ngồi lên xe đạp điện, dùng tay phải vặn khóa xe đạp điện (vặn theo chiều kim đồng hồ) rồi vặn ga điều khiển xe đi về thôn Đ, xã T rồi ra đường Q đi xuống thị trấn C, T1 điều khiển xe mô tô theo sau Đ để đi bán tài sản trộm cắp được. Đ và T1 cùng vào cửa hàng bán xe máy cũ Đỗ L1 ở tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang do chị Trần Thị L – sinh năm 1987 làm chủ. Khi vào cửa hàng, Đ gặp chị L hỏi chị L “có mua chiếc xe đạp điện này không?”. Chị L hỏi và biết xe không có giấy tờ nên không đồng ý mua. Lúc đó có Nông Văn T2 – sinh năm 2000 trú tại thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang ở gần đó thấy chị L không mua nên T2 hỏi mua và trả giá 900.000 đồng, Đ đồng ý bán xe cho T2, T2 trả tiền thông qua chuyển khoản nhưng do Đ và T1 không có tài khoản ngân hàng nên T2 đã chuyển tiền cho chị L rồi nhờ chị L đưa tiền mặt cho Đ số tiền 900.000 đồng. Đ cầm tiền sau đó T1 chở Đ đi đến xã L, huyện T mua ma túy về cùng sử dụng. Khi đến đường bờ đê liên xã N - L, T1 đứng chờ ở xe còn Đ đi mua 07 gói ma túy Heroine của một người đàn ông không biết tên tuổi địa chỉ khoảng 30 tuổi với giá 700.000 đồng, sau khi mua ma túy xong Đ đi bộ đến chỗ Trục đạo, Đ đưa cho T1 02 (hai) gói ma túy rồi Đ cùng T1 đến khu vực nghĩa trang của thôn N, xã L, huyện T cùng nhau sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng ma túy xong thì T1 đưa Đ về nhà rồi T1 đi về, số ma túy còn lại T1 và Đ mang về nhà sau đó sử dụng hết.

Sau khi phát hiện mất xe đạp điện, ngày 06/11/2023, bà Giáp Thị X trình báo Công an xã T về việc bị kẻ gian trộm cắp chiếc xe đạp điện màu đỏ bà mới thay ác quy vào tháng 9/2023.

Qua rà soát, Công an xã T triệu tập Nguyễn Văn Đ và Bùi Văn T1 đến làm việc. Quá trình làm việc Nguyễn Văn Đ và Bùi Văn T1 thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Tại kết luận định giá số 52/KL-ĐGTS ngày 15/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 xe đạp điện loại 133S, màu sơn đỏ, đã qua sử dụng và mới thay ác quy vào tháng 9/2023 trị giá 3.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 05/CT- VKS ngày 17/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Bùi Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 17; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 02 năm 02 tháng đến 02 năm 4 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với phần hình phạt của Bản án số 08/2024/HS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang là 11 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 3 năm 01 tháng tù đến 3 năm 3 tháng tù. Thời hạn tù

tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 22/11/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 từ 8 tháng tù đến 10 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Đ, bị cáo T1.

Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý về vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Đ, bị cáo T1 thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo T1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt cao nhất đối với bị cáo Đ, bị cáo T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến. Tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt: tại phiên tòa, các bị cáo có mặt đã hoàn toàn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như quyết định truy tố đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu có trong hồ sơ do Cơ quan điều tra thu thập về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 05/11/2023, tại trước cửa nhà bà Giáp Thị X - sinh năm 1930 trú tại thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Văn Đ cùng Bùi Văn T1 có hành vi trộm cắp 01 xe đạp điện loại 133S, màu sơn đỏ, đã qua sử dụng trị giá 3.000.000 đồng của bà Giáp Thị X.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo Đ, T1 đã chiếm đoạt chiếc xe đạp điện của bà X trị giá 3.000.000 đồng. Ngày 05/6/2020 bị cáo Đ bị Tòa án nhân dân huyện Yên Thế xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 15/9/2020 bị cáo Đ bị Tòa án nhân dân huyện Tân Yên,

tỉnh Bắc Giang xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” trong trường hợp tái phạm. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 24 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/04/2022, bị cáo Đ chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Hành vi của bị cáo Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, bản Cáo trạng truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: bị cáo Đ, bị cáo T1 là người có nhân thân không tốt đã bị kết tội bằng bản án.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Bị cáo Đ, bị cáo T1 chiếm đoạt chiếc xe đạp điện của bị hại là người trên 70 tuổi nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại bản án sơ thẩm số 60/2020/HS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt bị cáo Đ 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Đ bị kết tội trong trường hợp tái phạm chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Tuy nhiên, tình tiết tái phạm nguy hiểm được áp dụng là tình tiết định khung hình phạt nên bị cáo Nguyễn Văn Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo Đ, bị cáo T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Đ có bố đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng ba. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về vai trò của các bị cáo: các bị cáo Đ, bị cáo T1 đều cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự. Trong đó, bị cáo Đ là người đã rủ bị cáo T1 đi trộm cắp. Bị cáo Đ trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe đạp điện của bà X nên bị cáo Đ có vai trò chính. Bị cáo T1 có vai trò giúp sức, cảnh giới để bị cáo Đ thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe đạp điện của bà X. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vai trò, hành vi của từng bị cáo để quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó phải áp dụng hình phạt tù tương xứng nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo T1 thuộc diện hộ nghèo, các bị cáo không có thu nhập, không có tài sản gì, sống phụ thuộc vào gia đình nên không áp dụng hình phạt

bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[5] Về tổng hợp bản án:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 02/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xử phạt Nguyễn Văn Đ 11 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 22/11/2023 nay bị cáo Đ lại bị xét xử sau khi có bản án. Do vậy, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của hai bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự.

[6] Đối với người đàn ông khoảng 30 tuổi bán ma túy cho Đ, Đ không biết tên tuổi địa chỉ ở đâu. Cơ quan điều tra đã phối hợp với Công an xã L rà soát, tuy nhiên do không đủ thông tin cá nhân nên không xác định được người thanh niên bán ma túy là ai, ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với người bán ma túy này.

[7] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn Đ và Bùi Văn T1 Cơ quan điều tra Công an huyện T đã chuyển tài liệu đến Công an xã L, huyện T để xử phạt hành chính theo quy định.

[8] Đối với anh Nông Văn T2 khi mua xe của Đ và T1 không biết nguồn gốc chiếc xe do Đ và T1 trộm cắp mà có nên anh T2 không vi phạm pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền anh T2 đã mua xe đến nay anh T2 không yêu cầu Đ và T1 phải trả lại cho anh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc xe đạp điện loại 133S, màu sơn đỏ, đã qua sử dụng là tài sản của bà Giáp Thị X. Ngày 02/01/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu. Đến nay bà X đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về vật chứng:

Đối với 01 chiếc áo khoác gió màu xanh than đã qua sử dụng và 01 chiếc quần ngố bò màu xanh lam tạm giữ của T1 và 01 chiếc áo phông cộc tay màu xanh lơ của Đ là trang phục mà T1 và Đ đã mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tại phiên tòa bị cáo Đ, bị cáo T1 không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Về án phí: bị cáo Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo T1 thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[12] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 17; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm 3 (ba) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”.

Tổng hợp với phần hình phạt của Bản án số 08/2024/HS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang là 11 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 3 (ba) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 22/11/2023. Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 09 (chín) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T1.

2. Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 chiếc áo khoác gió màu xanh than đã qua sử dụng; 01 chiếc quần ngố bò màu xanh lam đã qua sử dụng và 01 chiếc áo phông cộc tay màu xanh lơ đã qua sử dụng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Bùi Văn T1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Công an huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ;
- Lưu Hs, Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Oanh

